

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

DANH MỤC BẢNG BIỂU**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

MỞ ĐẦU**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

1. Tính cấp thiết của đề tài **Error! Bookmark not defined.**

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu..... **Error! Bookmark not defined.**

2.1. Mục tiêu nghiên cứu..... **Error! Bookmark not defined.**

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể **Error! Bookmark not defined.**

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... **Error! Bookmark not defined.**

4. Phương pháp nghiên cứu..... **Error! Bookmark not defined.**

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án **Error! Bookmark not defined.**

6. Những đóng góp mới của luận án: **Error! Bookmark not defined.**

7. Kết cấu của luận án **Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG 1**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI ...**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu **Error! Bookmark not defined.**

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước.... **Error! Bookmark not defined.**

1.1.1.1. Nhóm giáo trình, sách chuyên khảo..... **Error! Bookmark not defined.**

1.1.1.2. Nhóm các công trình khoa học **Error! Bookmark not defined.**

1.1.1.3. Nhóm các luận án, luận văn **Error! Bookmark not defined.**

1.1.1.4. Nhóm các bài báo nghiên cứu..... **Error! Bookmark not defined.**

1.1.2. Tình hình nghiên cứu trên thế giới... **Error! Bookmark not defined.**

1.1.3. Tóm lược các kết quả nghiên cứu **Error! Bookmark not defined.**

1.1.4. Những vấn đề luận án cần tiếp tục giải quyết. **Error! Bookmark not defined.**

1.2. Cơ sở lý thuyết **Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

CHƯƠNG 2**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM.....**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về báo chí**Error! Bookmark not defined.**
- 2.1.1. Khái niệm pháp luật về báo chí..... **Error! Bookmark not defined.**
- 2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về báo chí .. **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2. Vai trò, nội dung và những tiêu chí xác định mức độ hoàn thiện của pháp luật về báo chí..... **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.1. Vai trò của pháp luật về báo chí..... **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.1.1. Pháp luật - phương tiện quan trọng đảm bảo công dân thực hiện quyền tự do báo chí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.1.2. Pháp luật xác định quyền và nghĩa vụ của báo chí, nhà báo trong hoạt động nghề nghiệp **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.1.3. Pháp luật - phương tiện cơ bản để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.1.4. Pháp luật - phương tiện tổ chức và hoạt động của của bộ máy quản lý nhà nước đối với báo chí..... **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.1.5. Pháp luật về báo chí thể chế hóa đường lối, chính sách báo chí của Đảng **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về báo chí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.3. Những tiêu chí cơ bản xác định mức độ hoàn thiện pháp luật về báo chí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3. Tự do báo chí - lý luận và khuôn khổ pháp luật quốc tế và Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.1. Quan niệm về tự do báo chí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng tự do báo chí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.2.1. Một số tư tưởng về tự do báo chí ở Việt Nam thế kỷ XX **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.2.2. Sự ra đời và phát triển học thuyết tự do báo chí trên thế giới **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.3. Một số đặc điểm của thuyết tự do báo chí **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.3.1. Hạn chế sự kiểm duyệt của nhà nước **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.3.2. Bảo vệ nguồn tin **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3.3.3. Đảm bảo tối đa quyền tiếp cận thông tin nhất là thông tin nhà nước **Error! Bookmark not defined.**

2.3.3.4. Tư tưởng xuyên suốt của học thuyết tự do báo chí là “tự cân bằng”, “thị trường ý tưởng tự do”, “cạnh tranh tự do”**Error! Bookmark not defined.**

2.3.3.5. Kiểm soát báo chí: “tự điều tiết” thay cho việc giải quyết bằng tòa án **Error! Bookmark not defined.**

2.3.3.6. Đề cao trách nhiệm của báo chí **Error! Bookmark not defined.**

2.3.4. Giới hạn tự do báo chí..... **Error! Bookmark not defined.**

2.4. Pháp luật về báo chí ở một số nước trên thế giới.....**Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

CHƯƠNG 3.....**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM.....**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

3.1. Pháp luật về báo chí ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1. Pháp luật về báo chí ở Việt Nam giai đoạn 1945-1986..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1.1. Giai đoạn 1945-1954..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1.2. Giai đoạn 1954-1975..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1.3. Giai đoạn 1975-1986..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.2. Pháp luật về báo chí ở Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.1. Giai đoạn 1986- 1990..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.2. Giai đoạn 1990 đến nay **Error! Bookmark not defined.**

3.3.1. Quyền tiếp cận thông tin vẫn còn hạn chế **Error! Bookmark not defined.**

3.3.1.1. Bất cập trong các quy định pháp luật về tiếp cận thông tin... **Error! Bookmark not defined.**

3.3.1.2. Bất cập về tiếp cận thông tin trong thực tiễn thực hiện **Error! Bookmark not defined.**

3.3.2. Quản lý chưa theo kịp sự phát triển của báo chí....**Error! Bookmark not defined.**

3.3.2.1. Pháp luật chưa kịp thời điều chỉnh các hoạt động báo chí **Error! Bookmark not defined.**

3.3.2.2. Thực tiễn hoạt động quản lý báo chí còn nhiều hạn chế **Error! Bookmark not defined.**

3.3.3. Chưa chú trọng bảo vệ nguồn tin **Error! Bookmark not defined.**

3.3.4. Hội nhà báo, quy tắc đạo đức báo chí chưa được coi trọng **Error! Bookmark not defined.**

3.3.4.1. Vai trò Hội nhà báo còn mờ nhạt.. **Error! Bookmark not defined.**

3.3.4.2. Quy tắc đạo đức nghề báo vẫn bị xem nhẹ .. **Error! Bookmark not defined.**

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế **Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

CHƯƠNG 4.....**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

4.1. Dự báo về xu hướng phát triển của báo chí ở Việt Nam và tính tất yếu phải hoàn thiện pháp luật về báo chí..... **Error! Bookmark not defined.**

4.1.1. Các yếu tố tác động tới phát triển của báo chí ở Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**

4.1.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**

4.2. Quan điểm và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**

4.2.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**

4.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật về báo chí hướng tới đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý báo chí..... **Error! Bookmark not defined.**

4.2.1.2. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải đảm bảo quyền tự do báo chí **Error! Bookmark not defined.**

4.2.1.3. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh **Error! Bookmark not defined.**

4.2.1.4. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải nâng cao vị trí, vai trò của báo chí **Error! Bookmark not defined.**

4.2.1.5. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải đảm bảo tính kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài..... **Error! Bookmark not defined.**

4.2.2. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**

4.2.2.1. Yêu cầu chung..... **Error! Bookmark not defined.**

4.2.2.2. Nguyên tắc cụ thể..... **Error! Bookmark not defined.**

4.3. Một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**

4.3.1. Hoàn thiện nội dung pháp luật về báo chí **Error! Bookmark not defined.**

4.3.1.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thông tin trên báo chí để đảm bảo quyền tự do báo chí của công dân	Error! Bookmark not defined.
4.3.1.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức báo chí và nhà báo	Error! Bookmark not defined.
4.3.1.3. Hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước về báo chí	Error! Bookmark not defined.
4.3.1.4. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về hoạt động báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam, thông tin đối ngoại.....	Error! Bookmark not defined.
4.3.1.5. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về báo chí.....	Error! Bookmark not defined.
4.3.2. Hoàn thiện về hình thức	Error! Bookmark not defined.
4.3.2.1. Sửa đổi Luật Báo chí.....	Error! Bookmark not defined.
4.3.2.2. Sửa đổi, bổ sung, xây dựng các luật, pháp lệnh có liên quan	Error! Bookmark not defined.
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
KẾT LUẬN	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền báo chí Việt Nam đã có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước đây cũng như trong sự nghiệp đổi mới phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) hiện nay. Chủ trương đổi mới do Đảng khởi xướng cùng với những thành tựu vĩ đại của công nghệ thông tin đã làm cho nền báo chí Việt Nam trong những năm gần đây phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng.

Thực tiễn gần 30 năm đổi mới, báo chí Việt Nam đã chuyển hướng kịp thời, không ngừng phát triển và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Chưa thời điểm nào trong lịch sử Việt Nam báo chí lại phát triển mạnh, phong phú, tăng nhanh về số lượng và loại hình như hiện nay. Báo chí đã bám sát đời sống xã hội; cung cấp thông tin đa chiều, sâu sắc; tạo dư luận xã hội rộng lớn. Đặc biệt trên lĩnh vực chống tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, lãng phí, các cơ quan báo chí (CQBC) đã dũng cảm, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao.

Tuy nhiên, trong thời gian qua báo chí cũng bộc lộ nhiều hạn chế, sai sót, cần sớm khắc phục. Đó là: xu hướng thương mại hóa; xa rời tôn chỉ mục đích, đối tượng phục vụ; làm lộ bí mật, an ninh quốc gia. Báo chí còn chưa đến được đông đảo nhân dân lao động ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Nhiều tờ báo đăng bài, ảnh dung tục, thiếu văn hóa, đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc ta, gây phản cảm, bức xúc trong dư luận xã hội. Một số nhà báo phẩm chất đạo đức nghề nghiệp yếu kém, thiếu tính chuyên nghiệp; thậm chí lợi dụng nghề nghiệp vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng xấu đến uy tín tờ báo và giới báo chí cả nước. Những tồn tại trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó phần nhiều là do hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực này còn nhiều hạn chế. Luật Báo chí (LBC) hiện hành chỉ điều chỉnh hành vi của CQBC và nhà báo (NB) Việt Nam, trong khi hoạt động của CQBC và phóng viên nước ngoài lại được quy định bằng một nghị định độc lập. Mạng xã hội, báo điện tử và Internet cũng do các nghị định khác quy định. Hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam cũng được điều chỉnh bởi các nghị định và thông tư hướng dẫn khác... “Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay có tới 50 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này, chưa kể các văn bản chỉ đạo của các cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố [65]. Việc có quá nhiều

văn bản trong lĩnh vực báo chí như vậy rất khó để CQBC, NB, người dân có thể nắm bắt và thực hiện hiệu quả.

Ngoài ra, sau 15 năm thi hành LBC chí đã bộc lộ những hạn chế, không còn phù hợp với thực tiễn. Nói một cách hình ảnh nó như một “chiếc áo quá chật” kìm hãm sự phát triển báo chí hiện nay. Rất nhiều vấn đề như: mô hình cơ quan báo chí, báo điện tử, kinh tế báo chí... đã lạc hậu, lỗi thời cần phải có sự nghiên cứu để sửa đổi kịp thời. Đặc biệt, trong điều kiện bùng nổ thông tin hiện nay, khi các phương tiện thông tin kỹ thuật hiện đại ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, mạng xã hội ngày càng phát triển thì việc xây dựng hành lang pháp lý trong lĩnh vực báo chí cần được củng cố, tăng cường và hoàn thiện mới đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Hiện nay, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc đưa LBC vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, nhiệm kỳ khóa 13. LBC sẽ được Quốc hội cho ý kiến vào Kỳ họp thứ 10, cuối năm 2015 và dự kiến sẽ thông qua vào Kỳ họp đầu năm 2016. Vì thế, nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn để đưa ra quan điểm, yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật về báo chí (PLVBC) nói chung, LBC nói riêng là rất cần thiết hiện nay.

Với những lý do đó, tôi lựa chọn vấn đề: "***Hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam hiện nay***" làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của luận án là dựa trên việc nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam về pháp luật báo chí để chỉ ra những khoảng trống và bất cập trong pháp luật của Việt Nam về lĩnh vực này; từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp xây dựng, củng cố khuôn khổ pháp lý về báo chí phù hợp với Hiến pháp, thông lệ quốc tế và hoàn cảnh, điều kiện thực tế của Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể

Một là, phân tích lý thuyết và pháp luật quốc tế về báo chí, tự do báo chí, cũng như cơ chế pháp lý về quản lý nhà nước với báo chí của một số quốc gia dân chủ trên thế giới, từ đó khái quát khung lý thuyết của cộng

đồng quốc tế PLVBC. Nói cách khác, nhiệm vụ đầu tiên là trả lời các câu hỏi: PLVBC là gì? PLVBC của các một số quốc gia trên thế giới như thế nào?

Hai là, phân tích pháp luật hiện hành về báo chí của Việt Nam để chỉ ra nền tảng, cơ sở lý luận, thực tiễn của nó. Nói cách khác, nhiệm vụ thứ hai là trả lời câu hỏi: Khuôn khổ PLVBC của Việt Nam hiện nay như thế nào? Có phù hợp với những lý thuyết và tiêu chuẩn quốc tế về vấn đề này không?

Ba là, trên cơ sở phân tích so sánh với lý luận, pháp luật quốc tế, pháp luật của một số quốc gia, xác định những hạn chế trong PLVBC của Việt Nam và đề xuất những sửa đổi, bổ sung phù hợp với những đặc thù về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và pháp luật của Việt Nam. Nói cách khác, nhiệm vụ thứ ba là trả lời câu hỏi: PLVBC của Việt Nam cần như thế nào trong những năm tới?, PLVBC của Việt Nam cần sửa đổi, bổ sung những gì để tiệm cận với xu hướng chung trên thế giới nhưng vẫn phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện đặc thù của Việt Nam?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

“Hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam” là đề tài có phạm vi nghiên cứu rộng. Tuy nhiên, tác giả không nghiên cứu tất cả các vấn đề lý luận và thực tiễn PLVBC ở Việt Nam và mọi quốc gia trên thế giới mà với mục tiêu nghiên cứu của đề tài nêu trên, tác giả xác định phạm vi nghiên cứu của đề tài như sau: vấn đề lý luận cơ bản về PLVBC; nghiên cứu PLVBC của một số nước trên thế giới để rút ra những yếu tố hợp lý có thể vận dụng vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam; một số vấn đề bức xúc trong thực tiễn thực hiện PLVBC ở Việt Nam hiện nay; giải pháp hoàn thiện PLVBC phù hợp với những yêu cầu, điều kiện của Việt Nam hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng một số phương pháp như: hệ thống; kết hợp lý luận với thực tiễn; phân tích và tổng hợp; luật học so sánh; lịch sử; thống kê; chuyên gia.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa khoa học: Luận án là công trình nghiên cứu trực tiếp PLVBC ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn PLVBC ở Việt

Nam. Sau khi hoàn thành, luận án sẽ là công trình khoa học có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, học tập PLVBC.

Ý nghĩa thực tiễn: Luận án là tài liệu nghiên cứu có ý nghĩa tham khảo, phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu, sửa đổi LBC hiện hành.

6. Những đóng góp mới của luận án:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu PLVBC ở Việt Nam làm sáng tỏ những vấn đề đã được giải quyết và cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về PLVBC như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung cơ bản và những yêu cầu đặt ra trong việc hoàn thiện PLVBC.

Ba là, khái quát quá trình hình thành và thực hiện PLVBC ở Việt Nam; cung cấp một số kinh nghiệm quản lý và PLVBC ở một số nước.

Bốn là, nêu ra hệ thống các quan điểm hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam.

Năm là, đề xuất được một số giải pháp để hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mục lục, mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung gồm 4 chương là:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết của đề tài; chương 2: Cơ sở lý luận của hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam; chương 3: Thực trạng pháp luật và thực hiện PLVBC ở Việt Nam; chương 4: Quan điểm, yêu cầu, giải pháp hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Nhóm giáo trình, sách chuyên khảo

+ Giáo trình “*Lý luận và pháp luật về quyền con người*” của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội đề cập đến rất nhiều nội dung về quyền con người như: các quyền dân sự và chính trị, các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong luật quốc tế; cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. Tuy nhiên, QTDBC chỉ là một trong những quyền dân sự và chính trị nên được đề cập một cách cơ bản, khái quát nhất.

+ Cuốn sách “*Tiếp cận thông tin: Pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*” của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội đã đề cập toàn diện, đầy đủ về pháp luật và thực tiễn tiếp cận thông tin ở Việt Nam và trên thế giới. Cuốn sách có những đề xuất rất quan trọng như: Báo chí là một kênh để người dân tiếp cận thông tin. Bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của báo chí cũng là bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của công chúng. Quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí và quyền được thông tin là những quyền con người, đồng thời là những quyền công dân cơ bản - những quyền hiến định vốn có của một xã hội dân chủ, đồng thời cũng là một chuẩn mực bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân.

+ Giáo trình “*Cơ sở lý luận báo chí*” do PGS. TS Tạ Ngọc Tấn chủ biên đề cập đến rất nhiều nội dung về báo chí như: tính giai cấp của báo chí, tự do báo chí, luật pháp và báo chí, nguyên tắc hoạt động báo chí, các chức năng của báo chí, lao động sáng tạo trong báo chí. Tuy nhiên, PLVBC chỉ là một trong rất nhiều nội dung được đề cập đến nên cũng chưa thật đầy đủ và toàn diện về lý luận và thực tiễn PLVBC.

1.1.1.2. Nhóm các công trình khoa học

+ Đề tài “*Thực trạng và giải pháp nâng cao trình độ cán bộ báo chí hiện nay*” do PGS.TS Vũ Duy Thông làm chủ nhiệm, phân tích và đánh giá thực trạng trình độ cán bộ báo chí hiện nay, từ đó đề xuất một số định

hướng và giải pháp để nâng cao trình độ cán bộ báo chí. Vì vậy, vấn đề PLVBC cũng chỉ được đề cập khái quát nhất.

+ Đề tài “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo mạng hiện nay*” do TS. Hà Thị Vinh làm chủ nhiệm, đánh giá thực trạng chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý báo mạng nói chung, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý báo mạng ở Việt Nam hiện nay.

1.1.1.3. Nhóm các luận án, luận văn

+ Luận văn thạc sỹ “*Quản lý nhà nước về báo chí thời kỳ đổi mới*” của Ths Chử Kim Hoa hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước đối với báo chí trong giai đoạn 1986-2001; phân tích vai trò của hệ thống văn bản đó đối với sự phát triển của báo chí; đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện PLVBC.

+ Luận văn thạc sỹ: “*Vấn đề quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí ở Việt Nam hiện nay*” của Ths Hoàng Thị Bích Yên nghiên cứu những vấn đề: sự cần thiết phải quản lý nhà nước về hoạt động báo chí; thực trạng hoạt động báo chí và vấn đề quản lý báo chí ở Việt Nam; những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với báo chí. Tuy nhiên, do tập trung trình bày và phân tích các vấn đề quản lý nhà nước về báo chí nên PLVBC được đề cập một cách rất khái quát, không phải là đối tượng nghiên cứu trực tiếp của luận văn.

Bên cạnh đó, cũng có những luận án, luận văn liên quan đến vấn đề hoàn thiện pháp luật nhưng không trực tiếp đề cập đến lĩnh vực báo chí. Đáng chú ý có các luận án, luận văn như:

+ Luận án tiến sỹ Luật học “*Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*” của TS Nguyễn Thanh Thủy góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về thi hành án dân sự; đưa ra khái niệm, đặc điểm, nội dung, vai trò pháp luật thi hành án dân sự và xác lập các tiêu chí hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự; xác lập các quan điểm và đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự.

+ Luận án tiến sỹ Luật học “*Hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh ở Việt Nam*” của TS Nguyễn Văn Cường làm rõ những nhận thức cơ bản về pháp luật trong quản lý nhà nước về

xuất cảnh, nhập cảnh; đưa ra một số quan điểm, phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh ở Việt Nam.

1.1.1.4. Nhóm các bài báo nghiên cứu

+ Bài viết “*Hoàn thiện PLVBC: Nhu cầu bức thiết của thực tiễn*” của PGS. TS Lê Thanh Bình đưa ra một số yêu cầu và nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện PLVBC; đồng thời kiến nghị một số vấn đề sửa đổi LBC hiện hành.

+ Bài viết “*Báo chí cách mạng trong cơ chế thị trường*” của tác giả Dương Xuân Nam khẳng định: “Kinh tế báo chí gắn liền với nền kinh tế nước nhà, gắn liền với nền sản xuất, gắn liền với các tập đoàn, tổng công ty, gắn liền với các doanh nhân, gắn liền với độc giả ... Chất lượng của báo chí suy cho cùng là chất lượng thông tin”.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Liên quan đến đề tài luận án, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu sau đây:

+ *Media law handbook* (Sổ tay Luật truyền thông), tác giả Jane Kirtley - Ấn phẩm của Chương trình thông tin quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 12/2010). Cuốn sách đã trình bày có hệ thống nhiều vấn đề về báo chí như: khuôn khổ cho một nền báo chí tự do; tự điều tiết thay cho việc giải quyết bằng tòa án; các trách nhiệm của NLB. Đặc biệt, cuốn sách trình bày cụ thể về vai trò của tự do trao đổi thông tin trong việc nâng cao vai trò của xã hội dân sự.

+ “*Bốn học thuyết truyền thông*” của Fred S. Siebert, Theodore Peterson, Wilbur schram; người dịch Lê Ngọc Sơn (Nxb Tri thức, 2014). Cuốn sách trình bày 4 học thuyết cơ bản truyền thông thế giới là thuyết độc đoán, thuyết tự do, thuyết trách nhiệm xã hội, thuyết toàn trị Xô viết.

1.1.3. Tóm lược các kết quả nghiên cứu

Qua nghiên cứu, tác giả đồng tình với hầu hết những đề xuất trên. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, bên cạnh những đề xuất có giá trị đó, do những mục tiêu nghiên cứu khác nhau, đi vào những vấn đề cụ thể khác nhau mà những công trình này vẫn chưa có điều kiện trình bày một cách có hệ thống và toàn diện các mặt PLVBC ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, hầu hết các đề xuất trên chưa thật đầy đủ và đồng bộ. Ngoài ra, xét về tổng thể, bức tranh nghiên

cứu PLVBC ở Việt Nam cho đến nay vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi cần có sự nỗ lực hoàn thiện tiếp. Về mặt lý luận và thực tiễn, có nhiều vấn đề PLVBC gắn với điều kiện đặc thù của Việt Nam cho đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ. Đặc biệt là những công trình này được nghiên cứu trước khi có Hiến pháp Việt Nam năm 2013, nhiều tư tưởng của Hiến pháp về báo chí, pháp luật về báo chí chưa được luận giải làm rõ.

1.1.4. Những vấn đề luận án cần tiếp tục giải quyết

Trên cơ sở bám sát yêu cầu thực tiễn đang đặt ra, kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu PLVBC đồng thời với việc nhận thức đúng những hạn chế, vướng mắc về mặt lý luận và thực tiễn hiện nay, luận án sẽ tiếp tục giải quyết một số vấn đề sau: *Một là*, kế thừa, phát triển để phát triển cơ sở lý luận PLVBC ở Việt Nam. *Hai là*, khái quát quá trình hình thành và thực hiện PLVBC ở Việt Nam. *Ba là*, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm thực tiễn xây dựng, thực hiện quản lý báo chí ở một số nước để vận dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. *Bốn là*, đề xuất và luận chứng quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam

1.2. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối chính sách của Đảng và Nhà Việt Nam về Hiến pháp và pháp luật; đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, phát huy quyền dân chủ của nhân dân theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN “của dân, do dân và vì dân”. Luận án cũng được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc một số lý thuyết về hiến pháp, pháp luật và dân chủ nói chung, lĩnh vực báo chí báo chí nói riêng. Đó là những lý thuyết của những học giả tiêu biểu như: John Locke, John Milton, Thomas Jefferson...

Các giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở nền tảng các nghiên cứu PLVBC hiện nay cũng như thực tiễn hoạt động báo chí những năm qua, tác giả xác định luận án cần phải hướng vào trình bày và luận cứ cho một số giả thuyết khoa học sau:

Một là, ngày nay trong các quyền con người, QTDBC thuộc nhóm các quyền dân sự (quyền tự do cá nhân). Quyền này chỉ có thể trở thành quyền cơ bản của công dân khi được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản

PLVBC. Do vậy, PLVBC là phương tiện quan trọng hàng đầu ghi nhận và đảm bảo QTDBC của công dân.

Hai là, ở Việt Nam những năm qua đã hình thành được hệ thống PLVBC nhưng vẫn còn nhiều hạn chế như: có sự chông chéo, chưa kịp thời điều chỉnh một số vấn đề bức xúc của hoạt động báo chí; một số nội dung liên quan đến báo chí chưa được quy định cụ thể và chưa phù hợp... Do vậy, PLVBC ở Việt Nam những năm qua chưa phát huy hết được vai trò, ý nghĩa to lớn của mình làm ảnh hưởng tiêu cực đến QTDBC của công dân cũng như chất lượng và hiệu quả của hoạt động báo chí.

Ba là, một số yêu cầu cơ bản hoàn thiện hệ thống PLVBC Việt Nam là: hoàn thiện PLVBC phải đảm bảo QTDBC của công dân; nâng cao vai trò của Hội nghề nghiệp và đạo đức báo chí...

Hướng tiếp cận của đề tài

- Luận án kế thừa (có chọn lọc, phân tích) các kết quả nghiên cứu đã được công bố trước đề tài này trên cơ sở tập hợp, hệ thống ở mức đầy đủ nhất có thể đối với các công trình khoa học có liên quan đến báo chí, PLVBC.

- Bên cạnh việc nghiên cứu trực tiếp các quy định PLVBC ở Việt Nam, luận án sẽ tập trung hướng nghiên cứu vào một số vấn đề bức xúc trong hoạt động báo chí ở Việt Nam hiện nay, đánh giá những hạn chế PLVBC để rút ra các kiến nghị nhằm khắc phục và hạn chế tối đa các bất cập đó.

- Trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm của một số nước, luận án sẽ đưa ra những kiến nghị nhằm tiếp thu những kinh nghiệm phù hợp của một số nước góp phần hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM

2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về báo chí

2.1.1. Khái niệm pháp luật về báo chí

Từ khái niệm chung về báo chí, pháp luật, luận án định nghĩa: PLVBC là hệ thống các quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều

chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực báo chí nhằm đảm bảo quyền công dân trong lĩnh vực báo chí.

2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về báo chí

Các đặc điểm cơ bản của PLVBC là: *Thứ nhất*, PLVBC thể hiện các yêu cầu đòi hỏi của quyền con người và xác định trách nhiệm của Nhà nước đối với việc bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực báo chí. *Thứ hai*, nội dung điều chỉnh của PLVBC rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. *Thứ ba*, PLVBC vừa mang tính phổ quát vừa mang tính đặc thù. *Thứ tư*, PLVBC điều chỉnh các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tư tưởng văn hóa. *Thứ năm*, PLVBC điều chỉnh hoạt động báo chí liên quan đến yếu tố nước ngoài.

2.2. Vai trò, nội dung và những tiêu chí xác định mức độ hoàn thiện của pháp luật về báo chí

2.2.1. Vai trò của pháp luật về báo chí

2.2.1.1. Pháp luật - phương tiện quan trọng đảm bảo công dân thực hiện quyền tự do báo chí

PLVBC tạo môi trường pháp lý thuận lợi để công dân thực hiện QTDBC. Chỉ trên cơ sở pháp luật, QTDBC của công dân mới được đảm bảo một cách đầy đủ.

2.2.1.2. Pháp luật xác định quyền và nghĩa vụ của báo chí, nhà báo trong hoạt động nghề nghiệp

Hoạt động báo chí không chỉ đơn thuần là hoạt động nghề nghiệp thuần túy mà là một lĩnh vực đặc biệt, hết sức nhạy cảm. Sản phẩm tạo ra từ hoạt động báo chí mang những giá trị to lớn, giúp công chúng hiểu rõ các hiện tượng trong xã hội và tạo ra dư luận xã hội về các vấn đề đó. Ở Việt Nam, pháp luật quy định cụ thể nội dung hoạt động báo chí. Nội dung đó được thể hiện ở nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí, NB.

2.2.1.3. Pháp luật - phương tiện cơ bản để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí

Trong quản lý đối với hoạt động báo chí, Nhà nước có nhiều phương thức, biện pháp khác nhau như: quản lý bằng pháp luật, bằng tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, bằng các chính sách kinh tế - xã hội... Trong đó, quản lý bằng pháp luật đối với hoạt động báo chí là công cụ hữu hiệu.

2.2.1.4. Pháp luật - phương tiện tổ chức và hoạt động của của bộ máy quản lý nhà nước đối với báo chí

Pháp luật là phương tiện đảm bảo cho tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước đối với báo chí tiến hành thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp chặt chẽ, ngăn chặn sự lạm quyền đảm bảo cho quản lý nhà nước về báo chí có hiệu lực và hiệu quả.

2.2.1.5. Pháp luật về báo chí thể chế hóa đường lối, chính sách báo chí của Đảng

Ở Việt Nam, Đảng cộng sản là một bộ phận đồng thời giữ vai trò lãnh đạo cả hệ thống chính trị, trong đó lãnh đạo Nhà nước là trực tiếp và chủ yếu nhất. Đảng lãnh đạo báo chí bằng việc đề ra đường lối; lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ...

2.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về báo chí

Nội dung cơ bản của PLVBC gồm các quy định về: i) vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của báo chí; ii) tổ chức báo chí và NB (các loại hình, CQBC, người đứng đầu CQBC, CQCQBC, NB, hội NB); iii) CQQLNN, nội dung quản lý nhà nước về báo chí; iv) quy định về cấp giấy phép; lưu chiểu; hợp báo; phát hành; v) hoạt động báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam, thông tin đối ngoại; vi) chế độ, chính sách báo chí; khen thưởng và xử lý vi phạm PLVBC.

2.2.3. Những tiêu chí cơ bản xác định mức độ hoàn thiện pháp luật về báo chí

Có nhiều tiêu chí đánh giá sự hoàn thiện PLVBC song theo chúng tôi có các tiêu chí quan trọng sau: i) tính công khai; ii) tính minh bạch; iii) tính dân chủ; iv) tính toàn diện; v) tính đồng bộ; vi) tính phù hợp và tương thích với các điều ước quốc tế; vii) trình độ kỹ thuật pháp lý cao.

2.3. Tự do báo chí - lý luận và khuôn khổ pháp luật quốc tế và Việt Nam

2.3.1. Quan niệm về tự do báo chí

Có thể hiểu một cách khái quát về tự do báo chí như sau: Tự do báo chí là một trong những quyền căn bản nhất của con người; thể hiện quan điểm, ý chí, tình cảm của mình trước các vấn đề của đời sống xã hội qua phương tiện thông tin đại chúng mà không bị một sự lệ thuộc, hạn chế, can

thiệp nào; được hầu hết các công ước quốc tế, hiến pháp và pháp luật quốc gia công nhận. Tuy nhiên, tự do báo chí ở nước này hay nước khác, chế độ này hay chế độ khác có mức độ khác nhau.

2.3.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng tự do báo chí

2.3.2.1. Một số tư tưởng về tự do báo chí ở Việt Nam thế kỷ XX

Nhận xét về tự do báo chí ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhà tư tưởng **Huỳnh Thúc Kháng** viết: Ở Việt Nam có quyền tự do ngôn luận hay không? Xét về phương diện pháp luật thì ở Việt Nam, vô luận là hạng ngôn luận nào, đều là chẳng có một chút tự do gì cả [128, tr. 673-674].

Trong bài viết “Quyền ngôn luận tự do với báo giới nghiệp đoàn”, đăng trên tờ Sông Hương, năm 1936, nhà tư tưởng **Phan Khôi** khẳng định: Tôi không tin rằng quyền tự do ngôn luận sẽ nhờ báo giới nghiệp đoàn mà có. Tôi chỉ tin rằng cái quyền ấy có bởi hiến pháp, và hiến pháp cho bởi sức mạnh, và dân ta hiện chưa có cái sức ấy thì hãy khoan nói chuyện ngôn luận tự do. Tôi cho sự đi xin quyền ngôn luận tự do là một sự vô lý, cho nên tôi không tán thành [128, tr. 687].

Đối với **Chủ tịch Hồ Chí Minh**, tự do báo chí là quyền lợi tinh thần to lớn của một dân tộc, đất nước. Mục tiêu xuyên suốt của Người trong hoạt động báo chí dưới chế độ thực dân phong kiến là đấu tranh cho QTDBC.

2.3.2.2. Sự ra đời và phát triển học thuyết tự do báo chí trên thế giới

Thuyết tự do ra đời vào cuối thế kỷ XVII và được áp dụng rộng rãi trong thực tế ở cuối thế kỷ XVIII [107, tr.19]. Các học giả tiêu biểu của thuyết tự do báo chí là: John Milton (thế kỷ XVII), John Erskine và Thomas Jefferson (thế kỷ XVIII), John Stuart Mill (thế kỷ XIX).

2.3.3. Một số đặc điểm của thuyết tự do báo chí

2.3.3.1. Hạn chế sự kiểm duyệt của nhà nước

William Blackstone (1723-1780), thẩm phán, thành viên bồi thẩm đoàn, giáo sư người Anh đã khẳng định rằng: “Tự do báo chí thực sự là điều thiết yếu đối với bản chất của một nhà nước tự do nhưng điều này phải đặt trên nền tảng là không có những hạn chế trước đối với các ấn phẩm, chứ không phải dựa trên việc không bị kiểm duyệt để tìm ra vấn đề hình sự sau khi đã được phát hành” [79].

2.3.3.2. *Bảo vệ nguồn tin*

Một trong những đặc điểm quan trọng của tự do báo chí là NB có quyền được bảo vệ nguồn tin mật và thông tin chưa công bố. Các NB phải có khả năng đảm bảo với các nguồn tin của mình rằng danh tính của họ sẽ được giữ kín để khích lệ họ cung cấp thông tin một cách tự do, thoải mái.

2.3.3.3. *Đảm bảo tối đa quyền tiếp cận thông tin nhất là thông tin nhà nước*

Việc được đảm bảo tối đa quyền tiếp cận thông tin của NB nhất là thông tin nhà nước có vai trò quan trọng cho tự do báo chí nói riêng cũng như xây dựng nền dân chủ nói riêng. Về cơ bản, mục đích chính của báo chí giúp tìm ra sự thật, hỗ trợ cho quá trình giải quyết các vấn đề xã hội bằng cách đưa ra các căn cứ và ý kiến làm tiền đề cho việc đưa ra quyết định. Đặc trưng cơ bản của quá trình này là sự tự do và thoát khỏi sự kiểm soát và chi phối của nhà nước.

2.3.3.4. *Tư tưởng xuyên suốt của học thuyết tự do báo chí là “tự cân bằng”, “thị trường ý tưởng tự do”, “cạnh tranh tự do”*

Các thuyết gia của chủ nghĩa tự do cho rằng, trong vô số thông tin từ báo chí, có một số thông tin đến với công chúng bị sai và không có căn cứ. Tuy nhiên, nhà nước không có quyền hạn chế các thông tin này. Bởi nếu làm như vậy, nhà nước sẽ có xu hướng ngăn chặn và hạn chế các thông tin ảnh hưởng xấu đến nhà nước hay đối lập với ý kiến của những nhà lãnh đạo.

2.3.3.5. *Kiểm soát báo chí: “tự điều tiết” thay cho việc giải quyết bằng tòa án*

Ở hầu hết những xã hội dân chủ, công cụ kiểm soát chính là hệ thống tòa án. Tuy nhiên, cách giải quyết của tòa án không phải bao giờ cũng hiệu quả. Vì thế, cơ chế tự điều tiết là một phương án thay thế hiệu quả. Đó là những cơ chế như: Hội đồng báo chí; Bộ quy tắc đạo đức; Thanh tra viên.

2.3.3.6. *Đề cao trách nhiệm của báo chí*

Khi nền báo chí trở thành phương tiện truyền thông đại chúng rộng khắp và phổ biến; nó cũng bộc lộ những hạn chế nhất định. Chính những nhược điểm trên của báo chí đã đặt ra yêu cầu cấp bách là phải nâng cao trách nhiệm của báo chí. Điều đó có nghĩa là tự do phải đi kèm với nghĩa vụ.

2.3.4. Giới hạn tự do báo chí

Những lợi ích được coi là quan trọng và chính đáng, hợp lý để hạn chế tự do báo chí thông thường là những vấn đề như: bảo vệ danh dự cá nhân; cấm truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy; an ninh quốc gia; quyền riêng tư.

2.4. Pháp luật về báo chí ở một số nước trên thế giới

Luận án bước đầu nghiên cứu PLVBC của một số nước (như: Anh, Mỹ, Nhật Bản, Thụy Điển) và rút ra một số nhận xét sau: i) luật pháp của các quốc gia đều xác nhận những quan điểm của Nhà nước là tôn trọng và đảm bảo QTDBC; ii) mặc dù luật pháp của các quốc gia đều xác nhận những quan điểm của Nhà nước là tôn trọng và đảm bảo QTDBC. Tuy nhiên, QTDBC ở các nước cũng bị hạn chế trong phạm vi nhất định; iii) ở các nước, Hội nghề nghiệp và Quy tắc báo chí đóng vai trò quan trọng; iv) tại các nước, bảo vệ nguồn tin có vai trò đặc biệt quan trọng, thậm chí được quy định trong cả Hiến pháp; v) quyền tiếp cận thông tin được đảm bảo bởi hiến pháp và pháp luật.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM

3.1. Pháp luật về báo chí ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay

3.1.1. Pháp luật về báo chí ở Việt Nam giai đoạn 1945-1986

3.1.1.1. Giai đoạn 1945-1954

Qua nghiên cứu các văn bản pháp luật cho thấy các quan điểm cơ bản về báo chí giai đoạn này là: báo chí hoạt động phải xuất phát từ lợi ích dân tộc, là vũ khí sắc bén để bảo vệ chính quyền; báo chí phải đoàn kết chống lại kẻ thù chung; báo chí hoạt động giữ gìn bí mật quốc gia. Bên cạnh ưu điểm trên, PLVBC giai đoạn này cũng có những hạn chế là: CP đã thi hành chế độ kiểm duyệt báo chí, phần nào đó hạn chế QTDBC. Tuy nhiên, sự kiểm duyệt này chỉ là tạm thời.

3.1.1.2. Giai đoạn 1954-1975

Nhìn nhận từ góc độ pháp lý, các văn bản PLVBC được xây dựng trong thời kỳ này vẫn còn một số hạn chế cơ bản sau đây: Một là, LBC năm 1957 chưa có quy định về cơ quan quản lý báo chí, nhiệm vụ quản lý nhà nước về

báo chí. Nghị định số 298 hướng dẫn thi hành Luật cũng chỉ quy định về việc cấp giấy phép xuất bản báo chí, nộp lưu chiểu trước khi phát hành báo chí. *Hai là*, một số quy định về hoạt động báo chí, đảm bảo QTDBC thường ở dạng nguyên tắc, thiếu những văn bản hướng dẫn cụ thể, dẫn đến khó áp dụng thống nhất.

3.1.1.3. Giai đoạn 1975-1986

Qua nghiên cứu các văn bản PLVBC giai đoạn này, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau: *Thứ nhất*, những quy định về việc phân phối giấy in báo cho các tờ báo trên cả nước chưa hợp lý. *Thứ hai*, sự quản lý chặt chẽ và phân phối khâu phát hành đã phần nào hạn chế sự phát triển của báo chí trong thời kỳ này. *Thứ ba*, quy định về giá bán báo chưa phù hợp.

3.1.2. Pháp luật về báo chí ở Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay

3.1.2.1. Giai đoạn 1986- 1990

So với các giai đoạn trước, có thể thấy, giai đoạn này hệ thống pháp luật về hoạt động báo chí của Nhà Việt Nam được xây dựng, bổ sung tương đối đầy đủ. Các văn bản pháp luật đã quy định cụ thể hơn đối với một số hoạt động báo chí.

3.1.2.2. Giai đoạn 1990 đến nay

Trong giai đoạn này, hệ thống PLVBC được ban hành nhiều hơn; đã có các quy định để điều chỉnh loại hình báo chí mới (báo điện tử). Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều điểm mới về quyền con người, QTDBC. Hiến pháp 2013 đã quy định QTDBC theo tinh thần dân chủ, đề cao quyền vốn có của con người; đồng thời Hiến pháp 2013 đã có những quy định giới hạn sự can thiệp và quy định trách nhiệm của Nhà nước đối với việc bảo đảm QTDBC.

3.2. Thực hiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Quyền tiếp cận thông tin vẫn còn hạn chế

3.3.1.1. Bất cập trong các quy định pháp luật về tiếp cận thông tin

Luận án phân tích những bất cập về tiếp cận thông tin trong các quy định của LBC; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3.3.1.2. Bất cập về tiếp cận thông tin trong thực tiễn thực hiện

Hiện nay một số địa phương, ban ngành thường ra một số quy định riêng về việc cung cấp thông tin cho báo chí gây khó khăn cho hoạt động

báo chí, đồng thời một số cơ quan thực hiện việc cung cấp thông tin cho báo chí còn hình thức, đặc biệt việc lạm dụng quy định “tài liệu đóng dấu mật” được một số cơ quan sử dụng gây cản trở việc tiếp cận thông tin của NB.

3.3.2. Quản lý chưa theo kịp sự phát triển của báo chí

3.3.2.1. Pháp luật chưa kịp thời điều chỉnh các hoạt động báo chí

Luận án phân tích những vấn đề “nóng hổi” hiện nay mà PLVBC chưa kịp thời điều chỉnh như: mô hình cơ quan báo chí; kinh tế báo chí; mạng xã hội; lạm dụng thuật ngữ “thương mại hóa” báo chí.

3.3.2.2. Thực tiễn hoạt động quản lý báo chí còn nhiều hạn chế

Luận án phân tích những hạn chế cơ bản của quản lý báo chí hiện nay là: i) quản lý báo chí “quá thận trọng”, “quá chặt” dẫn đến hạn chế sự phát triển của báo chí; ii) có những "khoảng trống" trong quản lý báo chí; iii) quản lý về báo chí nặng về xử lý, răn đe; iv) đôi khi cơ quan quản lý lạm dụng chuyện “nhạy cảm” ảnh hưởng đến tự do báo chí; v) việc định hướng đưa tin của các cơ quan quản lý báo chí đôi khi chưa rõ ràng và khách quan.

3.3.3. Chưa chú trọng bảo vệ nguồn tin

Điều 7 LBC đã quy định khá cụ thể về bảo vệ nguồn tin. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện vẫn còn nhiều hạn chế. Luận án phân tích trường hợp cụ thể về một đề xuất khó hiểu của Bộ Công an khi yêu cầu CQBC phải cung cấp nguồn tin cho rất nhiều chủ thể.

3.3.4. Hội nhà báo, quy tắc đạo đức báo chí chưa được coi trọng

3.3.4.1. Vai trò Hội nhà báo còn mờ nhạt

Không thể phủ nhận những đóng góp to lớn của HNB trong sự phát triển của báo chí Việt Nam. Tuy nhiên, so với yêu cầu hiện nay thì vai trò của Hội vẫn còn mờ nhạt. Bởi Hội tuy ban hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp nhưng cũng chỉ kêu gọi NB thực hiện mà thôi. Hội không có quyền hạn xử lý, không có chế tài buộc NB hội viên thực hiện. Việc cấp thẻ, thu hồi thẻ hành nghề báo chí cũng không thuộc chức trách của Hội.

3.3.4.2. Quy tắc đạo đức nghề báo vẫn bị xem nhẹ

Bên cạnh những NB vững vàng, dũng cảm, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp cũng còn rất nhiều NB vẫn xem nhẹ Quy tắc đạo đức nghề

báo. Họ lợi dụng nghề báo để vụ lợi, đưa tin thiếu tính nhân văn, tính chân thật, khách quan.

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trên do một số nguyên nhân cơ bản như: một số vấn đề lý luận PLVBC chưa được nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống; việc bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm PLVBC đôi khi là giải pháp tình thế; công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho những người làm công tác chỉ đạo, quản lý và hoạt động trong lĩnh vực báo chí ở một số bộ, ngành, địa phương, CQCQBC, CQBC chưa được coi trọng.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM

4.1. Dự báo về xu hướng phát triển của báo chí ở Việt Nam và tính tất yếu phải hoàn thiện pháp luật về báo chí

4.1.1. Các yếu tố tác động tới phát triển của báo chí ở Việt Nam

Trong thời gian tới, hoạt động báo chí ở Việt Nam tiếp tục phát triển và chịu sự tác động của các yếu tố cơ bản sau đây: *Thứ nhất*, quá trình toàn cầu hóa cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ đã tạo ra sự biến đổi trong hệ thống truyền thông hiện nay, nổi bật là hai xu hướng: truyền thông đa phương tiện và truyền thông đa chiều. *Thứ hai*, thực hiện công cuộc đổi mới, đất Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội... đã tạo ra những thời cơ, thuận lợi mới cho công tác báo chí. *Thứ ba*, những biến đổi mạnh mẽ cơ cấu giai cấp - xã hội ngày càng đa dạng, các tiêu cực và tệ nạn xã hội như: quan liêu, tham nhũng, lãng phí... tạo ra những khó khăn và thách thức lớn đối với sự ổn định, phát triển đất nước và đối với công tác báo chí.

4.1.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam

Hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam vì những lý do sau đây: *Một là*, trước yêu cầu cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, PLVBC đã bộc lộ nhiều tồn tại, bất cập. Vì vậy, hoàn thiện PLVBC là một yêu cầu cấp thiết trong tình hình hiện nay. *Hai là*, sự phát triển nhanh của báo chí và những bất cập trong hoạt động báo chí đã đặt ra những vấn đề

cấp thiết trong việc xây dựng và hoàn thiện PLVBC. *Ba là*, quá trình hoàn thiện chính sách đối với báo chí đòi hỏi phải đổi mới, hoàn thiện PLVBC. *Bốn là*, do yêu cầu khách quan của quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí. *Năm là*, hoàn thiện PLVBC là một yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

4.2. Quan điểm và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam

4.2.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam

4.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật về báo chí hướng tới đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý báo chí

Để báo chí đáp ứng tốt yêu cầu trong tình hình mới, cần phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trên ba vấn đề cơ bản: nội dung, phương châm và cách thức lãnh đạo đối với báo chí. *Về đổi mới nội dung lãnh đạo*, cần tích cực, sắc bén, chủ động, kịp thời trong việc dự báo, định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm; đặc biệt quan tâm tới tâm tư, nguyện vọng của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước được phản ánh qua báo chí. *Về phương châm*, công tác lãnh đạo, chỉ đạo báo chí cần kịp thời nhưng phải đảm bảo khoa học, có tình có lý, tránh áp đặt, mệnh lệnh. *Về phương thức*, cần tiếp tục xây dựng, bổ sung thêm các quy định, quy chế tạo cơ sở chính trị cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo báo chí.

Ngoài ra, cần đổi mới phương thức quản lý nhà nước về báo chí. Một số yêu cầu đối với quản lý nhà nước về báo chí như: i) Quản lý nhà nước về báo chí phải bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, nâng cao trách nhiệm xã hội của báo chí, đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội tốt hơn. ii) Quản lý về báo chí phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và trong khuôn khổ của pháp luật. iii) Phát triển báo chí phải đi đôi với quản lý hiệu quả toàn bộ hệ thống báo chí cũng như từng CQBC. iv) Quản lý nhà nước về báo chí phải bắt kịp trình độ phát triển cao của phương tiện kỹ thuật, công nghệ truyền thông hiện đại. v) Quản lý nhà nước và PLVBC phải phù hợp với cơ chế vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường.

4.2.1.2. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải đảm bảo quyền tự do báo chí

Hoàn thiện PLVBC phải đảm bảo được về thực chất QTDBC của nhân dân, đảm bảo cho NB làm tốt sứ mệnh thông tin phục vụ nhân dân trong khuôn khổ pháp luật. Tất nhiên, cần có những chế định cần thiết để phòng hành vi lạm dụng QTDBC làm phương hại đến lợi ích của nhân

dân, đất nước nhưng chỉ nên vừa đủ để răn đe, phòng ngừa, không nên đưa ra nhiều ràng buộc và cấm đoán quá mức cần thiết, gây cảm giác nặng nề [100, tr.278].

4.2.1.3. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh

Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, vấn đề kinh tế trong báo chí được đặt ra như một yêu cầu khách quan bởi Nhà nước Việt Nam chủ trương dần xóa bỏ bao cấp đối với hầu hết các CQBC. Mỗi CQBC muốn tồn tại và phát triển cần phải có thu để trả lương, trang bị phương tiện kỹ thuật, đóng góp tài chính cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, quá trình hoàn thiện PLVBC cần đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh giữa các loại hình để báo chí phát triển.

4.2.1.4. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải nâng cao vị trí, vai trò của báo chí

Làm báo là hoạt động lao động sáng tạo. Đây cũng là đặc trưng mang tính tất yếu của mọi hình thức lao động. Lao động sáng tạo trong báo chí có những đặc trưng riêng như: tính thường xuyên và liên tục; tính khách quan; tính chính trị; tính thực tiễn; tính khẩn trương. Báo chí là hoạt động có tính sáng tạo cao, vì vậy hoàn thiện PLVBC cũng phải có tính sáng tạo, chủ động cao để nâng cao vị trí, vai trò của báo chí.

4.2.1.5. Hoàn thiện pháp luật về báo chí phải đảm bảo tính kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài

Đổi mới và hoàn thiện PLVBC là một yêu cầu cấp thiết đặt ra trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực báo chí hiện nay. Việc đổi mới không có nghĩa là chúng ta xóa bỏ, thay thế hoàn toàn PLVBC hiện hành mà phải đảm bảo tính kế thừa đồng thời cần phải tiếp thu kinh nghiệm các nước trên thế giới. Như chương 3 đã phân tích, PLVBC Việt Nam hiện đã tương thích với luật nhân quyền quốc tế ở mức độ những nguyên tắc cơ bản; tuy nhiên, nếu so sánh với những yêu cầu cụ thể về quyền này, vẫn còn một số khoảng cách cần nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp hơn với pháp luật quốc tế và xu hướng chung trên thế giới.

4.2.2. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam

4.2.2.1. Yêu cầu chung

Hoàn thiện PLVBC là một yêu cầu khách quan trong tình hình hiện nay. Tuy nhiên, do sự đa dạng trong nội dung điều chỉnh của PLVBC; tính chất nhạy cảm của báo chí, nên quá trình hoàn thiện PLVBC phải quán triệt các yêu cầu cơ bản sau đây: i) đảm bảo tính tối cao của hiến pháp, pháp luật; ii) Nhà nước không chỉ công nhận các QTDBC mà còn phải đảm bảo thực hiện và bảo vệ quyền này khi bị xâm hại; iii) hoàn thiện PLVBC phải tiến hành từng bước, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, xã hội; iv) hoàn thiện pháp luật báo chí phải trên cơ sở gắn với việc hoàn thiện cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật.

4.2.2.2. Nguyên tắc cụ thể

Như chương 3 đã phân tích, PLVBC ở Việt Nam và thực tiễn thực hiện còn rất nhiều hạn chế. Vì vậy, trong thời gian tới cần phải sửa đổi, bổ sung để tiệm cận với xu hướng chung trên thế giới nhưng vẫn phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện đặc thù của Việt Nam. Về cơ bản, việc hoàn thiện phải chú ý những nguyên tắc sau: i) nâng cao vai trò của Hội nhà báo; ii) quy tắc đạo đức báo chí phải được coi trọng; iii) nâng cao vai trò phản biện của báo chí; iv) bảo vệ nhà báo khỏi sự ép buộc công bố thông tin; v) quy định rõ quyền tiếp cận thông tin của NB đặc biệt là quyền tiếp cận thông tin nhà nước; vi) chú trọng quyền được thu thập và bảo vệ quyền riêng tư; vii) quy định rõ những đặc quyền của nhà báo khi tác nghiệp; viii) tăng cường trách nhiệm của cơ quan báo chí; ix) thực hiện nghiêm túc việc cải chính.

4.3. Một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam

4.3.1. Hoàn thiện nội dung pháp luật về báo chí

4.3.1.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thông tin trên báo chí để đảm bảo quyền tự do báo chí của công dân

Hiện nay, pháp luật về thông tin trên báo chí còn một số bất cập, hạn chế nhất định. Vì vậy, cần sửa đổi LBC và Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

4.3.1.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức báo chí và nhà báo

Hoàn thiện pháp luật về tổ chức báo chí và nhà báo bao gồm các nội dung sau: loại hình báo chí; cơ quan báo chí; người đứng đầu cơ quan báo chí; cơ quan chủ quản báo chí; hội nhà báo

4.3.1.3. Hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước về báo chí

Hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước về báo chí gồm các nội dung sau: mô hình cơ quan báo chí; điều kiện hoạt động báo chí; quy hoạch báo chí; quyền tác giả; liên kết trong hoạt động báo chí; nộp lưu chiểu; quảng cáo; hợp báo.

4.3.1.4. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về hoạt động báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam, thông tin đối ngoại

Thời gian qua Đảng và Nhà Việt Nam đã quan tâm đến việc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thông tin đối ngoại và hoạt động báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài, hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam. Các văn bản quy phạm pháp luật trên đã phần nào đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động thông tin đối ngoại, hoạt động báo chí liên quan đến nước ngoài. Tuy nhiên, các hoạt động trên lĩnh vực này vẫn còn những hạn chế và cần sớm được khắc phục như: *Một là*, pháp luật chưa kịp thời điều chỉnh những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra. *Hai là*, thủ tục giải quyết còn công kênh, phức tạp. *Ba là*, đã có có sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động giữa BTTVTT và Bộ Ngoại giao, tạo nên nhiều đầu mối giải quyết các quan hệ báo chí đối ngoại.

4.3.1.5. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về báo chí

Theo sự khảo sát của chúng tôi, những quy định về khen thưởng báo chí còn ít, chưa rõ ràng nhất là thực tế hiện nay khi vai trò và trách nhiệm xã hội của báo chí ngày càng lớn. Bên cạnh đó, PLVBC cũng chưa quy định rõ trách nhiệm pháp lý của một loạt chủ thể tham gia quan hệ: CQQLNN, CQCQBC, CQBC, tổng biên tập, NB. Vì thế, hiện nay người ta lợi dụng để thoái thác trách nhiệm, tạo ra sự tùy tiện cho CQQLNN, việc tuân thủ PLVBC không triệt để, không đi vào cuộc sống.

4.3.2. Hoàn thiện về hình thức

4.3.2.1. Sửa đổi Luật Báo chí

Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động báo chí phát triển và phù hợp với Hiến pháp năm 2013, ngày 30/5/2014 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 70/2014/QH13 về chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2014 và năm 2015 trong đó có việc sửa đổi LBC hiện hành. Qua nghiên cứu bước đầu, chúng tôi có một số kiến nghị về việc sửa đổi LBC tập trung vào một số nội dung: phạm vi điều chỉnh; tên gọi của LBC; đối tượng áp dụng của Luật.

4.3.2.2. Sửa đổi, bổ sung, xây dựng các luật, pháp lệnh có liên quan

Việc hoàn thiện PLVBC không chỉ dừng lại ở xây dựng, ban hành LBC và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, mà còn cần phải đặt nó trong tổng thể hệ thống pháp luật nói chung, trước hết là pháp luật có liên quan đến lĩnh vực báo chí. Theo đó, cần nghiên cứu, bổ sung, xây dựng các luật, pháp lệnh có liên quan như: Luật Quảng cáo; Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước; Luật Phòng chống tham nhũng.

KẾT LUẬN

1- PLVBC có đối tượng điều chỉnh là nhóm các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực báo chí. PLVBC tạo môi trường thuận lợi - phương tiện quan trọng đảm bảo công dân thực hiện QTDBC, tự do ngôn luận trên báo chí; đồng thời là phương tiện cơ bản để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động báo chí. Pháp luật là phương tiện đảm bảo cho tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước đối với báo chí tiến hành thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp chặt chẽ, ngăn chặn sự lạm quyền đảm bảo cho quản lý nhà nước về báo chí có hiệu lực và hiệu quả.

2- Pháp luật hiện hành về báo chí được chia thành các nhóm: vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thông tin trên báo chí; tổ chức báo chí và NB; CQQLNN, nội dung quản lý nhà nước về báo chí; cấp giấy phép, cấp, đổi thẻ NB, lưu chiều, hộp báo, phát hành; hoạt động báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam, thông tin đối ngoại; chế độ, chính sách báo chí; khen thưởng và xử

lý vi phạm PLVBC. Trong quá trình khảo sát, Luận án bước đầu phân tích những hạn chế của các quy định trên cũng như thực tiễn áp dụng.

3- Bên cạnh những mảng màu sáng của hoạt động báo chí còn không ít những mảng màu tối. Đó là tình trạng một số CQBC có xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích; báo chí thông tin sai sự thật, thông tin xâm phạm bí mật đời tư công dân... Nguyên nhân của những hiện tượng trên: về mặt khách quan, là do tác động của cơ chế thị trường. Về mặt chủ quan, do nhận thức chính trị và trách nhiệm của một số NLB và quản lý chưa cao; ý thức tôn trọng pháp luật, trước hết là LBC kém, ham lợi nhuận; công tác quản lý báo chí còn bị buông lỏng, thiếu đồng bộ hoặc chông chéo, kém hiệu quả.... Tất cả những khuyết điểm của báo chí đã nêu ở trên đều gắn rất chặt với trách nhiệm quản lý nhà nước về báo chí, trong đó có nguyên nhân là hệ thống PLVBC chưa đầy đủ, chông chéo, chưa kịp thời điều chỉnh những vấn đề thực tiễn trong hoạt động báo chí.

4- Những bất cập của PLVBC là: chông chéo, thiếu sự thống nhất; chưa kịp thời điều chỉnh nhiều vấn đề bức xúc của thực tiễn hoạt động báo chí; tính công khai, minh bạch của một số quy định của PLVBC còn hạn chế. Mặc dù đã được bổ sung, sửa đổi nhưng đến nay PLVBC vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

5- Trên cơ sở phân tích sự ra đời, đặc điểm của thuyết tự do báo chí trên thế giới và kinh nghiệm quản lý báo chí của một số nước trên thế giới; đồng thời trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và thực trạng thực hiện, luận án khẳng định sự cần thiết phải hoàn thiện PLVBC. Đồng thời, luận án cũng đưa ra các yêu cầu cụ thể hoàn thiện PLVBC là: nâng cao vai trò độc lập của ngành tư pháp; HNB và quy tắc đạo đức báo chí phải được coi trọng; nâng cao vai trò phản biện của báo chí; bảo vệ NB khỏi sự ép buộc công bố thông tin; quy định rõ quyền tiếp cận thông tin của NB đặc biệt là quyền tiếp cận thông tin nhà nước; chú trọng quyền được thu thập và bảo vệ quyền riêng tư; quy định rõ những đặc quyền của NB khi tác nghiệp; tăng cường trách nhiệm của CQBC; thực hiện nghiêm túc việc cải chính.

6- Trên cơ sở pháp luật hiện hành về báo chí, phân tích những hạn chế và thực trạng thực hiện, đồng thời dựa trên các quan điểm và yêu cầu hoàn thiện, tác giả kiến nghị hai giải pháp cơ bản để hoàn thiện PLVBC ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở các tiêu chí đã nêu ở chương 2: *Thứ nhất*, hoàn

thiện nội dung PLVBC trong đó tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung như: Hoàn thiện các quy định pháp luật về QTDBC (sửa đổi Điều 10 LBC về những điều không được thông tin trên báo chí; sửa đổi Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; cải chính trên báo chí; trách nhiệm của CQBC, CQQL trong việc đảm bảo QTDBC); hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức báo chí và NB (loại hình báo chí; CQBC; người đứng đầu CQBC; CQCQBC); hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước về báo chí (mô hình CQBC; điều kiện hoạt động báo chí; quy hoạch báo chí; liên kết trong hoạt động báo chí; lưu chiểu, hợp báo); hoàn thiện các quy định của pháp luật về hoạt động báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam, thông tin đối ngoại; hoàn thiện các quy định của pháp luật về khen thưởng và xử lý vi phạm PLVBC. *Thứ hai*, hoàn thiện về hình thức trong đó trọng tâm là sửa đổi LBC (phạm vi điều chỉnh; tên gọi, đối tượng áp dụng); đồng thời sửa đổi, bổ sung, xây dựng các luật, pháp lệnh có liên quan như: Luật Tiếp cận thông tin, Luật Quảng cáo, Pháp lệnh Bí mật nhà nước, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp...

7. Nghiên cứu PLVBC là lĩnh vực có tính chất liên ngành. Báo chí với tính chất là “quyền lực thứ tư” lại mang tính nhạy cảm cao nên chịu ảnh hưởng và tác động qua lại bởi nhiều yếu tố về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, lịch sử... Trong khả năng có hạn và khuôn khổ hạn chế của luận án tiến sĩ, tác giả chủ yếu nghiên cứu những vấn đề khái quát liên quan trực tiếp đến PLVBC. Do vậy, đề tài vẫn cần tiếp tục nghiên cứu toàn diện, cụ thể hơn từ góc độ liên ngành để phục vụ cho việc hoàn thiện PLVBC.

8. PLVBC ở Việt Nam hiện nay là vấn đề lớn, phức tạp nhưng rất cần thiết hiện nay. Những vấn đề được đề cập trong phạm vi nghiên cứu của đề tài mới chỉ là bước đầu, còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Hy vọng trong thời gian tới, tác giả sẽ có điều kiện để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hơn nữa đề tài này. Tác giả rất mong được sự đóng góp ý kiến chân tình, thiết thực, bổ ích và quý báu./.

NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thanh Bình, Phí Thị Thanh Tâm (1999), *Quản lý nhà nước và pháp luật về báo chí*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Phí Thị Thanh Tâm (2010), thư ký đề tài khoa học cấp cơ sở: “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo mạng hiện nay*”, Đề tài khoa học do Ban Tuyên giáo Trung ương quản lý, đã nghiệm thu năm 2010, đạt kết quả khá.
3. Phí Thị Thanh Tâm (2009) “Quản lý nhà nước về báo chí trong thời kỳ hội nhập”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* (11).
4. Phí Thị Thanh Tâm (2012) “Thực trạng và một số giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về báo chí”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* (11).
5. Phí Thị Thanh Tâm (2012) “Tự do báo chí qua các bản Hiến pháp và một số kiến nghị sửa đổi Hiến pháp 1992”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* (24).